

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2020/DS-ST
Ngày: 15/7/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Ngọc Năm**
Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hà.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 16/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 04/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Đại diện: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên A – Giám đốc Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện H

Địa chỉ: Phố S, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Ông Lê Nguyên Anh ủy quyền lại cho ông Đỗ Thành Trung - Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H (Có mặt)

Địa chỉ: Phố S, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Đào Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4 X, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 4 X, xã Tr, huyện H, Thanh Hóa (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/11/2016, hộ gia đình ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị X do chủ hộ là ông Đào Văn B ký với Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện H – Phòng giao dịch Tr hợp đồng tín dụng số 3518LAV201610231/HĐTD, hạn mức vay là 200.000.000đ, thời hạn của hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 36 tháng, thời hạn vay cụ thể theo giấy nhận nợ, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh đời sống hộ gia đình. Theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/11/2017, Ngân hàng giải ngân cho gia đình ông B, bà X số tiền vay là 200.000.000đ, thời hạn trả nợ gốc là 12 tháng tính từ ngày 22/11/2017, thời hạn trả nợ lãi là 03 tháng/1 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Nếu vi phạm bất kỳ thời hạn trả lãi hoặc gốc nào, khoản nợ tự động chuyển sang tính lãi quá hạn. Lãi xuất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân là 09%/năm và được điều chỉnh lãi xuất khi lãi xuất thị trường có sự biến động. Lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 09.02.11.2013/HĐBĐ ngày 06/12/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 105m², thửa đất số 351⁽¹⁾, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b) Bản đồ địa chính xã Tr, lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn 3 X, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng là 105m², tường gạch 220, nhà mái lợp tôn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BR 536679 do UBND huyện H cấp ngày 26/11/2013, đứng tên ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị X.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, gia đình ông B thực hiện trả lãi đúng hạn được đến hết tháng 7/2018 thì không tiếp tục trả lãi theo phân kỳ nữa, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên từ ngày 29/8/2018, toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Sau nhiều lần đôn đốc, vận động để thu hồi nợ, gia đình ông B đã trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc là 30.000.000đ và ngày 26/6/2019 đã trả lãi trong hạn đến hết ngày 07/10/2018, từ đó gia đình ông B bà X không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nữa. Hiện ông B và bà X đã bỏ đi khỏi địa phương, cắt hết mọi liên lạc với Ngân hàng, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông B bà X phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/7/2021 là 238.790.000đ, trong đó nợ gốc là 170.000.000đ; nợ lãi là 68.790.000đ (gồm: Lãi trong hạn: 46.610.000đ; lãi quá hạn: 22.180.000đ) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản nợ với lãi xuất như hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Trong trường hợp ông B bà X không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B bà X không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã về tại địa phương xã Tr xác minh, địa phương cho biết từ khoảng tháng 02 năm 2018 ông B và bà X đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì, khi đi cũng không khai báo tạm vắng, tạm

trú với chính quyền địa phương. Địa phương không có bất kỳ thông tin gì về nơi ở, nơi làm việc của ông B, bà X. Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông B bà X, vì vậy đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành đăng thông báo, nhắc tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với ông B bà X. Tuy nhiên, ông B bà X vẫn không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 170.000.000đ và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2021. Nếu ông B không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị buộc ông B phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại **khoản 3 Điều 26** Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đào Văn B có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông B và bà X vắng mặt. Mặc dù đang còn vay nợ Ngân hàng nhưng ông B bà X đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông tin với ngân hàng về địa chỉ nơi tạm trú, không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, đủ cơ sở khẳng định ông B bà X bỏ đi khỏi địa phương là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc ông B bà X không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương và không cho gia đình biết địa chỉ nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đồng thời thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với ông B bà X đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 22/6/2021, ông B bà X vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới ông B bà X đồng thời ấn định thời hạn xét xử lại vụ án như Thông báo, thông tin của Tòa án. Tại phiên tòa lần

thứ hai, ông B bà X vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B bà X là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền vay:

Ngày 24/11/2016, đại diện cho gia đình, ông Đào Văn B đã ký với Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện H – Phòng giao dịch Tr hợp đồng tín dụng số 3518LAV201610231/HĐTD, hạn mức số tiền vay là 200.000.000đ, thời hạn của hạn mức vay là 36 tháng, thời hạn vay cụ thể theo giấy nhận nợ. Ngày 22/11/2017, Ngân hàng giải ngân cho ông B 200.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng. Lãi xuất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân là 09%/năm và được điều chỉnh lãi xuất khi lãi xuất thị trường có sự biến động. Lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mặc dù chỉ mình ông B ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng mục đích vay nợ là để phục vụ việc phát triển kinh tế hộ gia đình, ông B vay với tư cách chủ hộ nên đây là công nợ chung của vợ chồng ông B bà X.

Do từ tháng 8/2018 gia đình ông B không thực hiện trả lãi theo đúng phân kỳ, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên từ ngày 29/8/2018, toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/7/2021, gia đình ông B đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền trả lãi trong hạn đến hết ngày 07/10/2018. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, động viên nhưng gia đình ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Như vậy gia đình ông B đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông B bà X phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi đã vay tạm tính đến ngày 15/7/2021 là 238.790.000đ, trong đó nợ gốc là 170.000.000đ; nợ lãi là 68.790.000đ (gồm: Lãi trong hạn: 46.610.000đ; lãi quá hạn: 22.180.000đ) là hoàn toàn phù hợp với sự tự nguyện thỏa thuận của các bên khi ký kết hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên cần buộc ông B bà X phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2021 là 238.790.000đ. Ngoài ra, ông B bà X còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh trên tổng số dư nợ gốc tính từ ngày xét xử cho đến khi tất toán khoản nợ với mức lãi xuất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về tài sản bảo đảm: Ông B bà X vay tiền Ngân hàng N có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 09.02.11.2013/HĐBĐ ngày 06/12/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 105m², thửa đất số 351⁽¹⁾, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b) Bản đồ địa chính xã Tr, lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn 3 X, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng là 105m², tường gạch 220, nhà mái lợp tôn đúng như hiện trạng tài sản đã được Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/5/2021. Toàn bộ tài sản thế chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BR 536679 do UBND huyện Hóa cấp ngày 26/11/2013, đứng tên ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị X. Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Qua xác minh tại địa phương, ông B bà X bỏ đi khỏi địa phương xã Tr không nhờ người quản lý, trông coi tài sản và hiện tại tài sản thế chấp không cho ai thuê, mượn.

Trong trường hợp ông B bà X không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng, ông B bà X vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

[3] Về án phí: Buộc ông B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phải trả.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Điều 26**, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 **Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc ông B bà X phải liên đới trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 3518LAV201610231/HĐTD ngày 24/11/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/11/2017, tạm tính đến ngày 15/7/2021 là 238.790.000đ (*Hai trăm ba tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó, nợ gốc là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi là 68.790.000đ (*Sáu tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

Ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục liên đới nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 16/7/2021 cho đến khi tất toán khoản nợ. Lãi xuất được tính theo Hợp đồng tín dụng số 3518LAV201610231/HĐTD ngày 24/11/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/11/2017.

Trường hợp ông B và bà X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất 105m², thửa đất số 351⁽¹⁾, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b) Bản đồ địa chính xã Tr, lập năm 1996 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, có địa chỉ tại Thôn 3 X, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện Hoằng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BR 536679 ngày 26/11/2013, đứng tên ông

Đào Văn B và bà Nguyễn Thị X (Thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.02.11.2013/HĐBD ngày 06/12/2013) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng, ông B bà X vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

Về án phí: Bị đơn – ông Đào Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.939.500đ (Mười một triệu chín trăm ba chín nghìn năm trăm đồng). Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010283 ngày 04/3/2021 **tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thư Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú